VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN
BẢO TÀNG THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

Số: 643/BTTNVN
V/v công khai quyết toán thu, chi NSNN năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Thực hiện Công văn số 99/VHL-KHTC ngày 17/01/2019 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc thực hiện công khai NSNN, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam kính gửi Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam biểu báo cáo công khai quyết toán thu, chi NSNN năm 2022 (biểu mẫu số 04) kèm theo công văn.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban KHTC;
- Lưu: VT, KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
BẢO TÀNG THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

Nguyễn Trung Minh

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số 685/BTTNVN ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	-	-	-
I	**Số thu phí, lệ phí**	-	-	-
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	-	-	-
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	-	-	-
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**12.906,541**	**12.906,541**	-
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**12.906,541**	**12.906,541**	-
1	**Chi quản lý hành chính**	-	-	-
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**7.257,267**	**7.257,267**	-
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.264,872	1.264,872	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	1.114,872	1.114,872	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở chọn lọc	150,000	150,000	-
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	1.087,679	1.087,679	-
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.904,716	4.904,716	-
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	-	-	-
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**			
5	**Chi bảo đảm xã hội**			
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**1.200,000**	**1.200,000**	-
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.200,000	1.200,000	-
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	-	-	-
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**4.449,274**	**4.449,274**	-
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.449,274	4.449,274	-
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**			
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**			
II	**Nguồn vốn viện trợ**			
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**			